Số: 548/STP-VP
Thời gian ký: 25/04/2023 07:55:36 +07:00

BỘ TÀI LIỆU TRẢ LỜI KIẾN NGHỊ CỦA PHÒNG TƯ PHÁP VÀ HƯỚNG DẪN CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ CỦA SỞ TƯ PHÁP QUÝ I NĂM 2023

(*Kèm theo Công văn số /STP-VP ngày tháng 4 năm 2023 của Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh*)

1. *Sở Tư pháp có ý kiến đối với Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật cho các xã, thị trấn (huyện Trà Cú).*

Trả lời:

Để được bố trí kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) và chuẩn tiếp cận pháp luật tại các xã, thị trấn (cấp xã), hàng năm căn cứ Nghị quyết số số 05/2014/NQ-HĐND ngày 18/7/2014 của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác PBGDPL và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở *(được Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể tại Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 04/9/2014*), công chức Tư pháp – Hộ tịch cấp xã có trách nhiệm lập dự toán và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác PBGDPL và chuẩn tiếp cận pháp luật theo tình hình thực tế hoạt động tại địa phương gửi bộ phận tài chính cùng cấp, trình Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã đưa vào dự toán ngân sách chung của UBND cấp xã để bảo vệ kinh phí được cấp hàng năm với cơ quan tài chính cấp huyện.

Trong trường hợp, không có dự toán kinh phí thực hiện gửi bộ phận tài chính cùng cấp tổng hợp trình UBND cấp xã đưa vào dự toán ngân sách thì sẽ không được bố trí kinh phí theo Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 04/9/2014. Kinh phí hoạt động cho lĩnh vực trên do UBND cấp huyện cân đối từ ngân sách được cấp tỉnh quyết định phân bổ.

2. *Quy định chế độ hỗ trợ đối với các loại hình hoạt động của Hội đồng hòa giải ở cấp xã (huyện Trà Cú).*

Trả lời:

Hội đồng hòa giải cấp xã không thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tư pháp theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành, do đó không có cơ sở để đề xuất hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Hội đồng hòa giải cấp xã theo Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐND ngày 09/01/2015 quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở. Tuy nhiên, Sở Tư pháp sẽ phản ánh, đề xuất với cơ quan có thẩm quyền xem xét hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Hội đồng hòa giải cấp xã.

Bên cạnh đó, đề nghị Phòng Tư pháp phối hợp với các Phòng, ban chuyên môn thuộc UBND huyện nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, hỗ trợ kinh phí thực hiện hoạt động của Hội đồng hòa giải ở cấp xã.

3. *Về tập huấn công tác chuẩn tiếp cận pháp luật (huyện Trà Cú).*

Trả lời:

Thực hiện Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 và Kế hoạch số 58/KH-STP ngày 27/02/2023 của Sở Tư pháp ban hành Kế hoạch công tác PBGDPL; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023, theo đó, Sở Tư pháp sẽ tiến hành tập huấn về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 *(sẽ có thông báo cụ thể sau)*.

4. *Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và sử dụng phần mềm hộ tịch điện tử của Bộ Tư pháp đôi lúc còn chậm, nên cần phải có sự hỗ trợ để thực hiện kịp thời (huyện Tiểu Cần).*

Trả lời:

Phần mềm hộ tịch điện tử dùng chung của Bộ Tư pháp thường xảy ra lỗi, đây là khó khăn chung của cả nước không phải chỉ riêng của tỉnh Trà Vinh, hiện Bộ Tư pháp đang nâng cấp, chưa hoàn chỉnh.

5. *Hiện nay công chức phụ trách công tác bồi thường nhà nước, xử lý vi phạm hành chính của Phòng Tư pháp và UBND cấp xã chưa được thường xuyên tập huấn chuyên môn về công tác này nên việc tham mưu, đề xuất thực hiện đôi lúc còn lúng túng (huyện Tiểu Cần).*

Trả lời:

Năm 2023, Sở Tư pháp có kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng cho công chức làm công tác bồi thường nhà nước của các Sở, ngành tỉnh, Phòng Tư pháp, dự kiến tổ chức trong quý II năm 2023.

6. *Hướng dẫn xác nhận mối quan hệ nhân thân là trách nhiệm của Phòng Tư pháp hay Công an xã (huyện Tiểu Cần).*

Trả lời:

Hiện nay, pháp luật chưa quy định cụ thể về thủ tục xác nhận quan hệ nhân thân mà tùy từng trường hợp để giải quyết. Xác nhận mối quan hệ nhân thân là việc xác minh quan hệ của một người với người thân dựa trên mối quan hệ huyết thống như xác nhận quan hệ cha, mẹ con (*căn cứ các giấy tờ, tài liệu để chứng minh quan hệ vợ, chồng là Giấy chứng nhận kết hôn; giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Giấy tờ, tài liệu để chứng minh quan hệ cha, mẹ, con là Giấy khai sinh; chứng nhận hoặc quyết định việc nuôi con nuôi; quyết định việc nhận cha, mẹ, con; Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng có chứa thông tin thể hiện quan hệ nhân thân cha hoặc mẹ với con; quyết định của Tòa án, trích lục hộ tịch hoặc văn bản của cơ quan y tế, cơ quan giám định, cơ quan khác có thẩm quyền xác nhận về quan hệ cha, mẹ với con)*.

Việc xác nhận quan hệ nội, ngoại, anh, chị, em ruột, cô, dì, chú, bác, cậu ruột;…Tại khoản 1 Điều 3 Luật Hộ tịch năm 2014 quy định về nội dung đăng ký hộ tịch, theo đó, xác nhận quan hệ cha, mẹ, con sau khi con được sinh ra thông qua thủ tục đăng ký hộ tịch. Cụ thể như sau:

+ Thẩm quyền đăng ký nhận cha, mẹ con thuộc về UBND cấp xã nơi cư trú của người nhận hoặc người được nhận là cha, mẹ, con thực hiện đăng ký nhận cha, mẹ, con (Điều 24 Luật Hộ tịch).

+ Đối với trường hợp cha, mẹ con có yếu tố nước ngoài thì thuộc thẩm quyền đăng ký của UBND cấp huyện (Điều 43 Luật Hộ tịch).

Trong trường hợp xin xác nhận quan hệ ruột thịt giữa anh, chị, em… hiện nay chưa được quy định cụ thể trong các văn bản pháp luật. Nhưng trên thực tế, nếu như trong các trường hợp cần thiết thì vẫn có thể yêu cầu cơ quan hộ tịch thực hiện thủ tục xác nhận quan hệ anh, chị, em ruột dựa trên các giấy tờ, tài liệu chứng minh quan hệ nhân thân qua việc xác minh.

7. *Trường hợp cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, đăng ký kết hôn đối với công dân đã từng đăng ký thường trú tại nhiều nơi khác nhau (thành phố Trà Vinh).*

Trả lời:

Trong quá trình giải quyết thủ tục đăng ký hộ tịch *(cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, đăng ký kết hôn)* nếu cần làm rõ tình trạng hôn nhân tại nơi thường trú trước đây của công dân thì công chức hộ tịch thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 73 Luật Hộ tịch 2014 "*Chủ động báo cáo, đề xuất UBND cùng cấp phối hợp cơ quan, tổ chức kiểm tra, xác minh về thông tin hộ tịch; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin để xác minh khi đăng ký hộ tịch; phối hợp với cơ quan Công an cùng cấp cung cấp thông tin.* Không yêu cầu người dân nộp/xuất trình giấy tờ chứng minh thông tin về cư trú; nếu quá thời hạn *(20 ngày kể từ ngày gửi văn bản yêu cầu xác minh)* không nhận được kết quả xác minh thì tiếp tục giải quyết hồ sơ theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; mục 2 Công văn số 340/STP-HC&BTTP ngày 16/3/2023 của Sở Tư pháp đã hướng dẫn.

Về Quy trình thực hiện giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến thực hiện theo Quyết định số 309/QĐ-BTP ngày 10/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Công văn số 343/STP-HC&BTTP ngày 20/3/2023 của Sở Tư pháp đã triển khai thực hiện đến Phòng Tư pháp và UBND cấp xã.

8. *Về lưu trữ hồ sơ đăng ký hộ tịch (bản giấy), trường hợp công dân có thông tin cư trú trên Căn cước công dân tại tỉnh khác nhưng tra cứu thông tin trên Cơ sở dữ liệu đã được cập nhật nơi thường trú tại tỉnh Trà Vinh thì thẩm quyền giải quyết TTHC theo nơi hiện cư trú là tỉnh Trà Vinh. Hồ sơ lưu trữ (bản giấy) không thể hiện giấy tờ chứng minh nơi cư trú tại tỉnh Trà Vinh để xác định thủ tục đăng ký là đúng thẩm quyền. Việc chứng minh và hậu quả pháp lý hồ sơ lưu trữ bản giấy trường hợp này nhiều năm sau đó có khiếu nại, tố cáo, kiểm tra, thanh tra thì nghĩa vụ cung cấp hồ sơ lưu trữ theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến trách nhiệm thì thực hiện như thế nào? (thành phố Trà Vinh).*

Trả lời:

Pháp luật hộ tịch quy định cơ quan có thẩm quyền đăng ký hộ tịch có trách nhiệm lưu trữ sổ hộ tịch, hồ sơ hộ tịch (bản giấy) đã giải quyết thủ tục hành chính theo quy định Điều 37 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Trường hợp có khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền thì có trách nhiệm, nghĩa vụ cung cấp thông tin, hồ sơ đã giải quyết TTHC cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Đối với hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến thì kiểm tra trên Hệ thống Cơ sở dữ liệu của cơ quan để đối chiếu.

9. *Trường hợp cải chính hộ tịch về ngày, tháng, năm sinh cho đảng viên, theo quy định "Kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2016, không xem xét điều chỉnh tuổi của đảng viên mà thống nhất xác định tuổi đảng viên theo tuổi khai trong hồ sơ Lý lịch đảng viên (hồ sơ gốc) khi được kết nạp vào Đảng" (Thông báo số 13-TB/TW ngày 17/8/2016 của Ban Chấp hành Trung ương; Công văn số 7066/VPCP-TCCV ngày 25/8/2016 của Văn phòng Chính phủ; Công văn số 5672/BNV-CCVC ngày 01/12/2016 của Bộ Nội vụ). Trường hợp Đảng viên mới được kết nạp Đảng (năm 2020) nhưng khi khai hồ sơ lý lịch Đảng có thông tin ngày, tháng, năm sinh sai so với Giấy Khai sinh được cấp hợp lệ, đúng hạn trước đó. Như vậy có được cải chính khai sinh theo hồ sơ lý lịch đảng không? (thành phố Trà Vinh).*

Trả lời:

Thông báo số 13-TB/TW ngày 17/8/2016 của Ban Chấp hành Trung ương thì tuổi khai trong hồ sơ, lý lịch đảng viên (hồ sơ gốc) chỉ là căn cứ, cơ sở để các cấp ủy, tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; bố trí, sử dụng và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ là đảng viên mà không được coi là cơ sở để thực hiện việc cải chính hộ tịch.

Về nguyên tắc, Giấy khai sinh hợp lệ là cơ sở xác định thông tin hộ tịch của cá nhân theo đúng quy định tại Điều 6 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định: "*Giấy khai sinh là giấy tờ hộ tịch gốc của cá nhân; mọi hồ sơ, giấy tờ của cá nhân có nội dung về họ, chữ đệm, tên;* ***ngày, tháng, năm sinh;*** *giới tính; dân tộc; quốc tịch; quê quán; quan hệ cha, mẹ, con phải phù hợp với Giấy khai sinh của người đó.*

Trường hợp nội dung trong hồ sơ, giấy tờ cá nhân khác với nội dung trong Giấy khai sinh của người đó thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý hồ sơ hoặc cấp giấy tờ có trách nhiệm điều chỉnh hồ sơ, giấy tờ theo đúng nội dung trong Giấy khai sinh".

Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định điều kiện thay đổi, cải chính hộ tịch: "*Cải chính hộ tịch theo quy định của Luật Hộ tịch là việc chỉnh sửa thông tin cá nhân trong sổ hộ tịch hoặc trong bản chính giấy tờ hộ tịch và chỉ được thực hiện khi có đủ căn cứ để xác định* ***có sai sót do lỗi của công chức làm công tác hộ tịch hoặc của người yêu cầu đăng ký hộ tịch".***

Khoản 1, khoản 2 Điều 17 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp cũng quy định: *"1. Việc cải chính hộ tịch chỉ được giải quyết sau khi xác định có sai sót khi đăng ký hộ tịch; không cải chính nội dung trên giấy tờ hộ tịch đã được cấp hợp lệ nhằm hợp thức hóa thông tin trên hồ sơ, giấy tờ cá nhân khác.*

2. Sai sót trong đăng ký hộ tịch là sai sót của người đi đăng ký hộ tịch hoặc sai sót của cơ quan đăng ký hộ tịch".

Trường hợp thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc nhưng người yêu cầu không còn bản chính giấy tờ hộ tịch hoặc cơ quan đăng ký hộ tịch không còn lưu giữ được sổ hộ tịch, thì cơ quan đăng ký hộ tịch vẫn tiếp nhận, giải quyết theo quy định. Sau khi cấp Trích lục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc cho người yêu cầu, công chức làm công tác hộ tịch ghi nội dung thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc vào mục Ghi chú của sổ hộ tịch hoặc mặt sau của bản chính giấy tờ hộ tịch theo quy định (*Khoản 2 Điều 20 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp).*

Như vậy, trường hợp đảng viên đó có các giấy tờ, tài liệu hợp lệ, bảo đảm giá trị lịch sử, pháp lý làm cơ sở chứng minh có sai sót trong xác định ngày, tháng, năm sinh của cá nhân khi đăng ký khai sinh thì có quyền đề nghị cơ quan đăng ký hộ tịch thực hiện việc cải chính theo quy định của pháp luật.

10. *Luật Hộ tịch không quy định thủ tục cấp lại bản chính Giấy khai sinh nhưng trên thực tế người dân có nhu cầu cấp lại bản chính giấy khai sinh do đã thất lạc bản chính, khi có nhu cầu cấp lại bản chính công chức tư pháp từ chối không thực hiện được nhiều người dân phản ứng rất bức xúc (huyện Trà Cú)*

Trả lời:

Luật Hộ tịch năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành không có quy định việc cấp lại bản chính Giấy khai sinh đối với trường hợp mất Giấy khai sinh, tùy từng trường hợp người bị mất có thể thực hiện thủ tục xin cấp bản sao trích lục hộ tịch hoặc đăng ký lại việc khai sinh.

Do đó, khi bản chính Giấy khai sinh mất thì yêu cầu cơ quan đăng ký hộ tịch, quản lý cơ sở dữ liệu hộ tịch cấp bản sao trích lục hộ tịch để sử dụng (Điều 63, 64 Luật Hộ tịch).

Trường hợp khai sinh đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam trước ngày 01 tháng 01 năm 2016 nhưng Sổ hộ tịch và bản chính giấy tờ hộ tịch đều bị mất thì được đăng ký lại. Việc đăng ký lại khai sinh chỉ được thực hiện nếu người yêu cầu đăng ký còn sống vào thời điểm tiếp nhận hồ sơ. UBND cấp xã, nơi đã đăng ký khai sinh trước đây hoặc UBND cấp xã nơi người yêu cầu thường trú, thực hiện đăng ký lại khai sinh (*Điều 24, 25 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; thủ tục đăng ký lại khai sinh thực hiện theo quy định Điều 26 của Nghị định này).* Giấy tờ, tài liệu làm cơ sở đăng ký lại khai sinh; xác định nội dung đăng ký lại khai sinh thực hiện theo quy định Điều 9, Điều 10 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày

28/5/2020.

Trường đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài thực hiện theo quy định Điều 40, 41, 42 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015.

11. *Hiện tại địa phương cũng phát sinh nhiều trường hợp vừa yêu cầu bổ sung hộ tịch vừa cải chính hộ tịch cho người trên 14 tuổi nên người dân phải đi lại nhiều nơi; vì thẩm quyền đăng ký bổ sung thuộc về UBND cấp xã, thẩm quyền cải chính hộ tịch cho người trên 14 tuổi thuộc về UBND cấp huyện (Điều 27 và Điều 46 Luật Hộ tịch 2014) (huyện Trà Cú).*

Trả lời:

Luật Hộ tịch quy định cụ thể về thẩm quyền thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc *(Thẩm quyền của UBND cấp xã tại Điều 27 và thẩm quyền của UBND cấp huyện tại Điều 46 Luật Hộ tịch),* do đó khi người dân có yêu cầu thì cơ quan có thẩm quyền đăng ký hộ tịch phải có trách nhiệm giải quyết theo quy định của pháp luật. Lưu ý: việc thay đổi, cải chính hộ tịch phải theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP. Thời gian gần đây, nhiều địa phương đã thực hiện cải chính hộ tịch nhất là cải chính về ngày, tháng, năm sinh cho cá nhân căn cứ vào Giấy căn cước công dân mới được cấp trong đó có huyện Trà Cú (đã cải chính ngày, tháng, năm sinh ông *Nguyễn Văn Kết sinh ngày 20/9/1960 thành sinh ngày 20/9/1959,* trong khi ông Nguyễn Văn Kết có 06 anh, chị, em ruột, mà người anh kế ông Nguyễn Văn Kết là Nguyễn Văn Chẻ sinh ngày 12/5/1959 không phải song sinh), tức là trong 04 tháng cùng năm 1959 đã sinh hai người dẫn đến làm thay đổi thứ tự anh, chị, em ruột trong gia đình. Đề nghị Phòng Tư pháp tham mưu UBND huyện thu hồi, hủy bỏ việc cải chính hộ tịch trái pháp luật đã cấp cho ông Nguyễn Văn Kết).

12. *Theo Công văn số 262/STP-HC&BTTP ngày 06/3/2023 của Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh về việc tiếp tục triển khai thi hành quy định của Luật Cư trú về bỏ sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì "Không yêu cầu công dân nộp/xuất trình giấy tờ chứng minh nơi cư trú khi giải quyết thủ tục đăng ký hộ tịch và không được từ chối yêu cầu đăng ký hộ tịch khi người dân không xuất trình được giấy tờ chứng minh nơi cư trú". Tuy nhiên, theo quy định về việc xác định thẩm quyền đăng ký các sự kiện Hộ tịch đều dựa theo nơi cư trú của công dân nếu công dân không xuất trình được thẻ Căn cước công dân (CCCD) hoặc giấy tờ chứng minh nơi cư trú thì rất khó trong việc xác định được thẩm quyền đăng ký. Mặc khác, trường hợp công dân xuất trình CCCD để chứng minh nơi cư trú mà nơi cư trú của công dân đã thay đổi (đã chuyển về nơi thường trú ở địa phương khác) nhưng chưa được cấp CCCD đổi mới thì thông tin thường trú được ghi trên thẻ CCCD không còn chính xác dẫn đến xác định không đúng thẩm quyền đăng ký hộ tịch (huyện Trà Cú).*

Trả lời:

Công chức hộ tịch thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều 73 Luật Hộ tịch năm 2014 và giải quyết hồ sơ theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành

một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; hướng dẫn mục 2 Công văn số 340/STP-HC&BTTP ngày 16/3/2023 của Sở Tư pháp.

13. *Thông tin trên căn cước công dân khi được quét mã QR chỉ thể hiện thông tin: Số CCCD, số CMND, họ tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, địa chỉ thường trú. Không có thông tin "dân tộc", việc này cũng gây khó khăn trong công tác đăng ký hộ tịch, vì đa phần các thủ tục bên lĩnh vực hộ tịch đều cần thông tin dân tộc (huyện Trà Cú).*

Trả lời:

Công chức hộ tịch thực hiện theo quy định Điều 73 Luật Hộ tịch 2014 (Phối hợp cơ quan, tổ chức kiểm tra, xác minh về thông tin hộ tịch; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin để xác minh khi đăng ký hộ tịch; phối hợp với cơ quan Công an cùng cấp cung cấp thông tin) và giải quyết hồ sơ theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP.

14. *Các trang thiết bị dùng để khai thác thông tin của công dân chưa được đáp ứng (máy quét mã QR, các thiết bị đọc chip,...)(huyện Trà Cú).*

Trả lời:

Về trang bị máy móc, thiết bị phục vụ công tác hộ tịch đề nghị Phòng Tư pháp tham mưu, đề xuất UBND cùng cấp bố trí thực hiện theo thẩm quyền.

15. *Về thẩm quyền đăng ký hộ tịch của UBND cấp xã, UBND cấp huyện được xác định tại Điều 7 Luật Hộ tịch; như vậy trường hợp địa danh hành chính đã có sự thay đổi so với địa danh ghi trong giấy tờ được cấp trước đây thì ghi theo địa danh hành chính nào? (huyện Duyên Hải).*

Trả lời:

Về thẩm quyền đăng ký hộ tịch của UBND cấp xã, UBND cấp huyện được xác định tại Điều 7 Luật Hộ tịch; trường hợp địa danh hành chính đã có sự thay đổi so với địa danh ghi trong giấy tờ được cấp trước đây thì ghi theo địa danh hành chính hiện tại; địa danh hành chính trước đây được ghi vào mặt sau của Giấy khai sinh và mục Ghi chú trong Sổ đăng ký khai sinh" (Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020).

16. *Theo quy định tại Luật Cư trú năm 2020, kể từ ngày 01/01/2023 thì sổ hộ khẩu và sổ tạm trú bằng giấy sẽ không còn giá trị sử dụng. Khi người dân yêu cầu chứng thực sao y bản chính thì cơ quan chứng thực có được thực hiện chứng thực bản sao hay không? (huyện Cầu Kè, huyện Cầu Ngang).*

Trả lời:

Điều 22 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định bản chính giấy tờ, văn bản không được dùng làm cơ sở để chứng thực bản sao gồm:

1. Bản chính bị tẩy xóa, sửa chữa, thêm, bớt nội dung không hợp lệ.

2. Bản chính bị hư hỏng, cũ nát, không xác định được nội dung.

3. Bản chính đóng dấu mật của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc không đóng dấu mật nhưng ghi rõ không được sao chụp.

4. Bản chính có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội; tuyên truyền, kích động chiến tranh, chống chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xuyên tạc lịch sử của dân tộc Việt Nam; xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân, tổ chức; vi phạm quyền công dân.

5. Bản chính do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc chứng nhận chưa được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 của Nghị định này.

6. Giấy tờ, văn bản do cá nhân tự lập nhưng không có xác nhận và đóng dấu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Như vậy, Điều 22 không quy định giấy tờ bản chính hết hạn sử dụng thì không được chứng thực bản sao. Do đó, cơ quan có thẩm quyền chứng thực không có lý do để từ chối khi cá nhân có yêu cầu chứng thực bản sao từ bản chính những giấy tờ, văn bản đã hết hạn sử dụng như bản chính sổ hộ khẩu, sổ tạm trú đã được cơ quan có thẩm quyền cấp (Điều 18 Nghị định 23/2015/NĐ-CP) mà vẫn tiếp nhận để để thực hiện chứng thực bản sao theo yêu cầu./.